TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1218/2018/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 19 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1093/2018/TLST-HNGĐ về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham giai tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: ông Nguyễn Hải H, sinh năm 1987
Hộ khẩu thường trú: Số 9, Tổ 8, ấp 6, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ: Số 3 Đường 12, Khu phố 3, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và: bà Trần Thị Đức H, sinh năm 1986
Hộ khẩu thường trú: Số 579/61B Đường C, Phường D, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: Số 42A Đường 6, Tổ 10, Khu phố 2, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2018.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hải H và bà Trần Thị Đức H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông Nguyễn Hải H và bà Trần Thị Đức H cùng xác định có một con chung tên Nguyễn Trần Thiên Â (nữ), sinh ngày 04/5/2010. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà Trần Thị Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hải H về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, giao nhận tiền trực tiếp vào ngày đầu của mỗi tháng, bắt đầu từ khi quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Hải H và bà Trần Thị Đức H về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Hải H và bà Trần Thị Đức H cùng xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Hải H, bà Trần Thị Đức H chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hải H và bà Trần Thị Đức H thuận tình ly hôn“ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 quyển số 01-2009 do Uỷ ban nhân dân phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 10 năm 2009 cho ông Nguyễn Hải H và bà Trần Thị Đức H”.

- Về con chung: ông Nguyễn Hải H và bà Trần Thị Đức H cùng xác định có một con chung tên Nguyễn Trần Thiên Ân (nữ), sinh ngày 04/5/2010. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà Trần Thị Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Hải H về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, giao nhận tiền trực tiếp vào ngày đầu của mỗi tháng, bắt đầu từ khi quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Hải H và bà Trần Thị Đức H về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn Hải H và bà Trần Thị Đức H cùng xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Toà án: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Hải H, bà Trần Thị Đức H có nghĩa vụ nộp, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Hải H, bà Trần Thị Đức H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0022713 ngày 26 tháng 9 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Toà án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Hoà